

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 910/1997/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 24 tháng 10 năm 1997

QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
Về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội
vùng Đông Nam Bộ giai đoạn từ nay đến năm 2010

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ vào Dự án Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Đông Nam Bộ do Viện Chiến lược phát triển - Bộ Kế hoạch và Đầu tư chuẩn bị;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội Đồng thẩm định Nhà nước về các dự án đầu tư tại Công văn số 5834/HĐTN ngày 18 tháng 9 năm 1997,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Đông Nam Bộ gồm 9 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Lâm Đồng, Bình Thuận và Ninh Thuận) thời kỳ từ nay tới năm 2010 với nội dung sau:

I- MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN CHỦ YẾU:

1. Về kinh tế:

- Phần đầu GDP bình quân đầu người đạt 874 USD vào năm 2000; và đạt 2178 USD vào năm 2010.

- Nhịp độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm đạt 12,93% từ nay đến năm 2000 và đạt 12,3% giai đoạn 2001-2010.

- Kim ngạch xuất nhập khẩu tăng bình quân hàng năm từ 29% đến 31% trong suốt giai đoạn từ nay đến năm 2010.

- Tỷ lệ tích lũy từ GDP phần đầu đến năm 2000 đạt trên 24%, và đến năm 2010 đạt trên 27%.

2. Về xã hội:

- Phân đầu giảm mức sinh hàng năm để bảo đảm tỷ lệ tăng dân số bình quân đến năm 2000 là 2,3%; đến năm 2010 còn 1,6%.

- Đảm bảo tốt các nhu cầu về điện, nước, khí đốt, đi lại, thông tin liên lạc, đáp ứng các điều kiện sống cho nhân dân ở các đô thị hạt nhân và dân cư vùng nông thôn có mức sống trên trung bình so với cả nước. Xây dựng gia đình văn hoá gắn với thôn bản, văn minh đô thị, xoá bỏ các tệ nạn xã hội.

- Đa dạng hoá các hình thức đào tạo để nâng cao trình độ học vấn, nâng số lao động được đào tạo lên 25% vào năm 2000 và 50% vào năm 2010. Phân đầu hoàn thành xoá nạn mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học vào năm 2000. Phát triển y tế và chăm sóc sức khoẻ cộng đồng; đầu tư cho các trung tâm y học chữa trị các bệnh chuyên khoa hiểm nghèo cho nhân dân các tỉnh phía nam.

- Đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng kinh tế phải đi đôi với bảo vệ môi trường sinh thái và phát triển bền vững.

3. Về an ninh quốc phòng:

Giữ gìn kỷ cương, trật tự an toàn xã hội; giữ vững chủ quyền và an ninh quốc gia. Kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ đất nước.

II. NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN CHỦ YẾU:

1. Về phát triển công nghiệp:

Phân đầu đạt nhịp độ tăng trưởng công nghiệp giai đoạn từ nay tới năm 2000 đạt từ 14,7% -15%, từ năm 2001 tới năm 2010 đạt từ 13,3% - 13,5%.

Phát triển các ngành công nghiệp: Khai thác dầu khí, điện, cơ khí, luyện kim, điện tử tin học, hoá chất, dệt - may, da giày, giấy, nhựa, sành sứ, thuỷ tinh, chế biến lương thực, thực phẩm... Đầu tư thiết bị hiện đại cho các ngành có sản phẩm mũi nhọn mang lại hiệu quả cao, thúc đẩy xuất khẩu. Đầu tư cho các Khu công nghiệp và khu chế xuất nhằm tạo ra sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Trước mắt ưu tiên cho 2 khu chế xuất: Tân Thuận, Linh Trung và 26 khu công nghiệp: Hiệp phước, khu kỹ thuật cao Thủ Đức, Cát Lái, Bắc Thủ Đức, Tân Phú Trung, Biên Hoà I, Biên Hoà II, Hố Nai, Sông Mỹ, Long Bình, Tuy Hạ, Gò Dầu, Mỹ Xuân - Phú Mỹ, Long Hương, Sóng Thần, Bình Đường, Bình Hoà, Thuận Giao, An Phú, Tân Định, Bàu Bè, Hàm Tân, Phan Thiết, Tuy Phong, Bảo Lộc, La Ngà.

2. Về phát triển thương mại và các ngành dịch vụ:

Phát triển thương mại và các ngành dịch vụ phải gắn với sự phát triển chung của ngành kinh tế nhằm thực hiện tốt các mục tiêu kinh tế - xã hội của vùng. Chuyển dịch cơ cấu các ngành thương mại, dịch vụ, dịch vụ cảng, ngân hàng, tài chính, chuyển giao công nghệ. Phân đầu nhịp độ tăng trưởng từ nay tới năm 2000 là 12,93% - 13,2%; và giai đoạn 2001-2010 đạt trên 12%. Phát triển xuất nhập khẩu, xây dựng một số trung tâm thương

mại và siêu thị tạo ra môi trường thuận lợi cho việc trao đổi, phổ biến kiến thức và kinh nghiệm về kinh doanh và quản lý hiện đại.

Nâng cao chất lượng và phát triển đa dạng các hình thức du lịch, hình thành các tuyến du lịch vùng và liên vùng. Thiết lập 2 trung tâm du lịch hiện đại là Đà Lạt và Vũng Tàu, tạo ra sự gắn kết giữa hai trung tâm này với thành phố Hồ Chí Minh. Phát huy thế mạnh của vùng, mở các tuyến du lịch với các nước trong khu vực và quốc tế. Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, kết cấu hạ tầng, gắn khai thác với tôn tạo, duy trì, bảo dưỡng và phát triển tài nguyên du lịch, giữ gìn truyền thống và bản sắc văn hoá dân tộc.

3. Về phát triển ngành nông, lâm, ngư nghiệp:

Phát triển ngành nông nghiệp tạo ra nhiều sản phẩm hàng hoá, phát huy thế mạnh nhằm đạt hiệu quả cao về kinh tế, xã hội và môi trường; đa dạng hoá cây trồng, vật nuôi, thâm canh với trình độ cao và ổn định. Chú trọng phát triển các loại cây công nghiệp lâu năm như cao su, cà phê, chè, điều; cây ăn quả... Phát triển các sản phẩm nông nghiệp cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và xuất khẩu. Đồng thời phát triển chăn nuôi đáp ứng nhu cầu sản xuất và dân sinh. Tốc độ tăng trưởng nông nghiệp thời kỳ từ nay tới năm 2000 là 4,5%, giai đoạn 2001-2010 là 4%.

Lâm nghiệp: chú trọng công tác quản lý bảo vệ, khoanh nuôi và gìn giữ cả 3 loại: rừng tự nhiên, rừng đặc dụng và rừng phòng hộ, nhất là rừng đầu nguồn. Đẩy mạnh trồng rừng vùng đất trống, đồi núi trọc, rừng ngập nước; tăng cường trồng cây phân tán dọc theo kênh mương, trục giao thông, tại vườn hộ gia đình. Thực hiện giao đất, giao và khoán rừng, khuyến khích tăng tỷ lệ che phủ.

Ngư nghiệp: Đẩy mạnh việc nuôi trồng, ương giống và khai thác, chế biến thủy sản. Phát huy tiềm năng về thủy sản trên cả 3 vùng sinh thái nước mặn, nước lợ và nước ngọt. Khuyến khích khai thác tiềm năng về biển khơi, đánh bắt thủy sản xa bờ. Tranh thủ sự giúp đỡ về vốn, kỹ thuật, đầu tư đổi mới công nghệ để tăng sản phẩm xuất khẩu.

4. Phát triển kết cấu cơ sở hạ tầng:

Hoàn thiện và hiện đại hoá hệ thống cảng biển, đường bộ, đường sắt, sân bay theo quy hoạch nhằm thúc đẩy việc giao lưu hàng hoá, tạo thuận lợi cho vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng phát triển. Từng bước hoàn thiện hệ thống giao thông công cộng ở các thành phố lớn.

Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới hệ thống cấp nước ở các đô thị, các khu công nghiệp, khu chế xuất, đảm bảo nhu cầu nước sạch cho sản xuất, kinh doanh và nhu cầu sinh hoạt của dân cư. Cải thiện điều kiện ăn, ở, sinh hoạt và vệ sinh môi trường đô thị và nông thôn.

Hiện đại hoá thông tin liên lạc, xây dựng đồng bộ với mạng lưới thông tin quốc gia, hoà nhập với cộng đồng quốc tế và khu vực; đáp ứng nhu cầu thông tin cho sản xuất và đời sống.

Về phát triển nguồn và mạng lưới điện: Đầu tư xây dựng một số công trình như nhà máy nhiệt điện Phú Mỹ A, Phú Mỹ B, nhiệt điện chạy dầu FO tại Hiệp Đức, thủy điện Hàm Thuận - Đa Mi, Thác Mơ, Đại Ninh. Phấn đấu đến năm 2000 cung cấp được từ 10-11 tỷ KWh, và giai đoạn 2001-2010 đạt khoảng 35-36 tỷ KWh. Phát triển lưới điện phải

được tiến hành đồng thời với phát triển nguồn điện nhằm đáp ứng nhu cầu gia tăng trong thời gian tới.

Về chất thải: Cùng với việc phát triển sản xuất và nâng cao đời sống, việc xử lý nước thải, chất thải rắn và chất thải khí cần được giải quyết nghiêm túc nhằm chống ô nhiễm môi trường và giữ gìn cảnh quan.

Về tổ chức không gian đô thị: Xây dựng các đô thị lớn, đồng thời tổ chức không gian phát triển khu vực nông thôn, vùng khó khăn để từng bước khắc phục tình trạng khác biệt giữa thành thị với nông thôn, vùng dân tộc ít người, vùng biên giới.

Việc xây dựng các khu dân cư cần thực hiện theo đúng Quy hoạch, chú trọng các khu nghỉ dưỡng và giành không gian các khu vui chơi giải trí cho dân cư, đặc biệt là trẻ em.

5. Về văn hoá - giáo dục - y tế - xã hội:

Đổi mới nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác giáo dục và đào tạo nhằm nâng cao dân trí và phát triển nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá và nâng cao đời sống.

Củng cố và phát triển các cơ sở y tế hiện có phục vụ công tác chăm sóc sức khoẻ ban đầu, khám chữa bệnh; cải tạo và nâng cấp các bệnh viện hiện có, xây dựng một số trung tâm y học, các bệnh viện chuyên khoa tại đô thị thuộc vùng phục vụ nhu cầu chữa bệnh của nhân dân.

Chấn chỉnh, nâng cấp các khu trung tâm khoa học, áp dụng các công nghệ tiên tiến, hiện đại làm động lực cho phát triển kinh tế - xã hội của vùng và cả nước. Phát triển hình thức nghiên cứu thử nghiệm, trình diễn khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư trên địa bàn.

Phát triển văn hoá, thông tin, truyền thanh, truyền hình, thể dục thể thao, đạt trình độ cao và hiện đại ngang tầm với các nước trong khu vực. Đào tạo bồi dưỡng nghệ sỹ, nghệ nhân, tạo điều kiện cho các loại hình nghệ thuật phát triển; chú trọng loại hình nghệ thuật dân tộc truyền thống.

III- NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU:

Để đảm bảo việc thực hiện Quy hoạch cần phải có một hệ thống các giải pháp đồng bộ nhằm huy động tiềm năng và nguồn lực trong và ngoài nước phục vụ cho việc phát triển kinh tế - xã hội của vùng. Trên địa bàn từng tỉnh, thành phố phải vận dụng sáng tạo các giải pháp và có các bước đi thích hợp thông qua các kế hoạch dài hạn, ngắn hạn, các chương trình phát triển, các dự án cụ thể.

Về nguồn vốn, nguồn nhân lực, thị trường, khoa học và công nghệ phải được cụ thể bằng các cơ chế, chính sách phù hợp với đặc điểm của từng vùng và từng địa phương nhằm thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội đề ra trong Quy hoạch.

Đầu tư đúng mức vào việc cải tạo các cơ sở sản xuất hiện có, trang bị công nghệ thích hợp, gắn các doanh nghiệp gây ô nhiễm xa các vùng dân cư.

Tập trung xây dựng các khu công nghiệp có hiệu quả cao. Chú trọng phát triển ngành xây dựng để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế và đời sống.

Căn cứ vào Quy hoạch đã được phê duyệt, các địa phương trong vùng phải rà soát lại Quy hoạch tổng thể, các chương trình, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội để bố trí thứ tự ưu tiên hợp lý, thông qua các kế hoạch hàng năm, các dự án thành phần.

Trong quá trình thực hiện Quy hoạch Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ, ngành trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố vùng Đông Nam Bộ cần theo dõi, tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm và có những điều chỉnh, bổ sung kịp thời.

Điều 2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố vùng Đông Nam Bộ có trách nhiệm kiểm tra, theo dõi thực hiện Quy hoạch một cách chặt chẽ, xây dựng kế hoạch 5 năm, hàng năm, các chương trình và dự án đầu tư phát triển phù hợp với Quy hoạch vùng.

Các Bộ, ngành ở trung ương có trách nhiệm phối hợp, giúp đỡ các tỉnh, thành phố thuộc vùng Đông Nam Bộ trong quá trình rà soát, tổ chức thực hiện các chương trình và dự án đã đề ra, đảm bảo sự thống nhất giữa Quy hoạch từng tỉnh, thành phố với Quy hoạch vùng và cả nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố thuộc vùng Đông Nam Bộ và các Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

(Đã ký)

Phan Văn Khải